

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31/7/2018

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thura.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Kế An;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 180/2018/TLST-HNGĐ ngày 16/4/2018 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2018 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Lê Thị B, sinh năm 1971 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. ***Bị đơn:*** Anh Trương Văn T, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: ấp H, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ tạm trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 4 năm 2018, bản tự khai, nguyên đơn chị Lê Thị B trình bày: Chị và anh T sau thời gian tìm hiểu tự nguyện chung sống vào năm 1993, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống có hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh T cờ bạc, về nhà có hành vi bạo lực gia đình với chị. Chị B đã cố gắng hòa hợp để tiếp tục chung sống với anh T nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không còn tình cảm. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2018 nên chị yêu cầu ly hôn với anh Trương Văn T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Minh Nghĩa, sinh năm 1994. Con chung đã thành niên tự lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Trương Văn T được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng anh vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị B có đơn khởi kiện đối với anh T. Anh T có địa chỉ tạm trú tại địa bàn huyện Cai Lậy nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị B có đơn xin ly hôn đối với anh T nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị B có đơn xin vắng mặt; Bị đơn anh Trương Văn T vắng mặt không có lý do dù được tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị B và anh T.

[4]. Về yêu cầu của đương sự :

Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh T tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1993, nhưng không có đăng ký kết hôn. Chị B và anh T chung sống được một thời gian sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng sống ly thân nhau từ đầu năm 2018 cho đến nay. Vì để bảo vệ quyền lợi nên chị B yêu cầu ly hôn đối với anh T. Đối với anh T dù được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do từ khi Tòa án thụ lý vụ án không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị B. Tại đơn xác nhận chị B cung cấp chứng minh việc không có đăng ký kết hôn (có xác nhận của địa phương) là có thật. Theo qui định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn nhưng chung sống với nhau như vợ như chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh T không được pháp luật công nhận. Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Lê Thị B và anh Trương Văn T là phù hợp với quy định pháp luật.

Về con chung: có 01 con chung tên Lê Minh Nghĩa, sinh năm 1994, đã thành niên tự lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[5]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị B và anh Trương Văn T là vợ chồng.
- Về con chung: Đã thành niên, không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản và nợ chung: Không xem xét đến.
- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị B phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà chị đã nộp theo biên lai thu số 15477 ngày 16/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên chị B đã thực hiện xong án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND thị trấn Vĩnh Bình, GCT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Nguyễn Văn Thừa

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Cai Lậy, ngày 31 tháng 7 năm 2017

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 15 giờ ngày 31 tháng 7 năm 2018.

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thura.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh

2. Ông Võ kế An.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 180/2018/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp “ly hôn” giữa:

3. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị B, sinh năm 1971 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. *Bị đơn:* Anh Trương Văn T, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: ấp H, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ tạm trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: tranh chấp “Ly hôn”.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

2. Về điều luật áp dụng:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

3. Quyết định xử: Xử: Không công nhận chị Lê Thị B và anh Trương Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Đã thành niên, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Không xem xét đến.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

Về án phí HNST: Chị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Biên bản kết thúc 15 giờ 30 phút ngày 31 tháng 7 năm 2018, có đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử nghe và đồng ý ký tên.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND H. Cai Lậy;
- Chi cục THADS H. Cai Lậy;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

Ngô Vũ Hoài Phương